

Bản án số: 282/2024/DS-PT

Ngày: 25-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Hồng Vân

bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phạm Thị Kim S, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Kim S1, sinh năm 1973;

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Kim S1 và ông Nguyễn Văn K: Công ty L.

Địa chỉ: Phòng A, Tầng A, tòa nhà H, D đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2023).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty L: ông Nguyễn Hoàng M – Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà La Kiều C, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà La Kiều C: bà Phạm Thị Kim S, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2024).

- *Người kháng cáo:* bị đơn, ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim S1.

(Bà Phạm Thị Kim S, ông Nguyễn Hoàng M có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 31/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn, bà Phạm Thị Kim S trình bày:

Do quen biết nên bà cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim S1 vay mượn tiền nhiều lần để làm ăn và trang trải sinh hoạt gia đình. Ngày 15/12/2022 (Ấm lịch-AL) tức ngày 06/01/2023 (Dương lịch-DL), bà cùng ông K, bà S1 chốt lại số tiền mà ông K và bà S1 đã vay mượn là 215.000.000 đồng, có làm giấy vay mượn tiền do bà Lê Thị Kim S1 ký tên, lãi suất hai bên thỏa thuận và không ghi vào giấy vay mượn tiền, ông K và bà S1 hẹn bán được nhà đất sẽ trả tiền cho bà.

Do cần tiền, bà nhiều lần yêu cầu ông K, bà S1 trả tiền nhưng không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim S1 liên đới trả số tiền 215.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ sau ngày Ủy ban nhân dân xã M (26/5/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn, bà Lê Thị Kim S1 và ông Nguyễn Văn K do bà Trương Thái Hoàng V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do cần tiền để làm ăn, trang trải sinh hoạt gia đình nên bà Lê Thị Kim S1 mượn tiền của bà Phạm Thị Kim S qua các lần như sau:

Lần mượn thứ 1: ngày 29/10/2021 (AL) đến ngày 29/12/2021 (AL) mượn số tiền 20.000.000 đồng x lãi suất 4,5%/tháng. Ngày 30/12/2021, bà Lê Thị Kim S1 đã trả 02 tháng tiền lãi là 1.800.000 đồng. Tính từ 29/12/2021 (AL) đến 15/12/2022 (AL) 20.000.000 đồng x lãi suất 8,6%/tháng = 52.509.629,15 đồng.

Lần mượn thứ 2: ngày 07/11/2021 (AL) đến ngày 15/12/2022 (AL) mượn số tiền 10.000.000 đồng x lãi suất 8,6%/tháng = 30.207.839,03 đồng.

Lần mượn thứ 3: ngày 19/02/2022 (AL) đến ngày 29/05/2022 (AL) mượn số tiền 30.000.000 đồng x lãi suất 9%/tháng. Ngày 29/05/2022(AL), bà Lê Thị Kim S1 đã trả 03 tháng tiền lãi là 8.100.000 đồng. Tính từ 29/05/2022 (AL) đến 15/12/2022 (AL) 30.000.000 đồng x 8,6% = 53.411.518,64 đồng.

Lần mượn thứ 4: ngày 10/03/2022 (AL) đến ngày 15/12/2022 (AL) mượn số tiền 10.000.000 đồng x lãi suất 8,7%/tháng = 21.723.748,18 đồng.

Lần mượn thứ 5: ngày 26/04/2022 (AL) đến ngày 15/12/2022 (AL) mượn số tiền 30.000.000 đồng x lãi suất 8,6%/tháng = 57.094.449,73 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim S thì ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim S1 không đồng ý vì ông bà chỉ mượn bà Phạm Thị Kim S số tiền 100.000.000 đồng và đề nghị bác bỏ giấy mượn tiền 215.000.000 đồng ngày 15 tháng 12 năm 2022. Bởi vì, bà Lê Thị Kim S1 ký vào giấy mượn nợ trong trạng thái tinh thần hoảng loạn dưới sức ép từ phía nguyên đơn. Ông K hoàn toàn không biết việc vay mượn tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà La Kiều C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim S đối với bà Lê Thị Kim S1 và Nguyễn Văn K về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

Buộc bà Lê Thị Kim S1 và Nguyễn Văn K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim S tổng cộng 229.216.500 đồng bao gồm 215.000.000 đồng tiền gốc vay và tiền lãi là 14.216.500 đồng.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi nếu chậm thi hành án, án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 26/01/2024, bị đơn, ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim S1 do người đại diện theo ủy quyền thực hiện kháng cáo, đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Hoàng M là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim S1 trình bày: bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã trình bày số tiền nợ 215.000.000 đồng là chốt nợ của số tiền nợ gốc bị đơn vay trước đó chỉ có 150.000.000 đồng, nợ lãi 60.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn không cung cấp được các giấy nợ trước đó và cũng không xác định được thời gian vay nợ. Đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng ông K có cùng ký tên vào giấy mượn tiền, nhưng Hợp đồng vay mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chỉ có bà Lê Thị Kim S1 ký tên nên không được xem là chứng cứ. Thực chất, bị đơn chỉ vay của nguyên đơn số tiền 90.000.000 đồng và nợ hụi 19.500.000 đồng, có giấy chốt nợ do bà Lê Kiều C1 là con dâu của nguyên đơn viết ngày 26/11/2022. Nay, bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 15/12/2022.

Nguyên đơn, bà Phạm Thị Kim S trình bày: vào khoảng năm 2018-2019 bà Lê Thị Kim S1 vay tiền của bà nhiều lần, tổng nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi trong 4-5 năm tính là 60.000.000 đồng. Đến sau khi dịch Covid kết thúc, giữa bà và bà Lê Thị Kim S1 đã chốt nợ vào ngày 15/12/2022 (AL) là 215.000.000 đồng, nên bà đã bỏ các giấy nợ trước. Ông K không ký tên vào giấy chốt nợ, nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà Lê Thị Kim S1 còn, tài sản đứng tên chung nên khi khởi kiện thì

bà phải yêu cầu ông K liên đới trả nợ, vì bà Lê Thị Kim S1 vay mượn tiền để trang trải trong gia đình. Đối với giấy tính tiền do ông M cung cấp tại cấp phúc thẩm không liên quan gì đến số tiền 215.000.000 đồng đang tranh chấp vì không khớp số tiền, không có ngày tháng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn K và Lê Thị Kim S1 đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Hợp đồng vay mượn tiền thể hiện bà Lê Thị Kim S1 có mượn của bà Phạm Thị Kim S số tiền 215.000.000 đồng. Bị đơn không có chứng cứ chứng minh bị ép buộc khi ký nhận nợ. Hợp đồng vay mượn tiền không thể hiện thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn phải trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã M là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và Lê Thị Kim S1 do người đại diện theo ủy quyền thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: ông Nguyễn Văn K, bà Lê Thị Kim S1, bà La Kiều C vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án tranh chấp về hợp đồng vay và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hoàng M là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim S1 xác định nội dung kháng cáo là yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

[5] Về việc áp dụng pháp luật về nội dung: giao dịch vay tiền đang có tranh chấp, theo nguyên đơn trình bày được xác lập vào ngày 15/12/2022 (Âm lịch-AL) tức ngày 06/01/2023 (Dương lịch-DL). Do đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan được áp dụng khi giải quyết vụ án.

[6] Hồ sơ vụ án thể hiện các tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: ngày

15/12/2022, bà Lê Thị Kim S1 thừa nhận có ký tên trên văn bản “Hợp đồng vay-mượn tiền”, xác nhận còn nợ bà Phạm Thị Kim S số tiền 215.000.000 đồng (bút lục số 51-53, 60, 63).

[7] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

[7.1] Tại cấp sơ thẩm, người đại diện của bị đơn bà Lê Thị Kim S1 cho rằng, bà Lê Thị Kim S1 ký tên vào “Hợp đồng vay-mượn tiền” trong trạng thái tinh thần hoảng loạn, dưới sức ép của bà Phạm Thị Kim S, thực chất bà Lê Thị Kim S1 chỉ vay số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng theo các giấy mượn tiền lần 1, 2, 3, 4, 5 và đồng ý trả 100.000.000 đồng (bút lục 73, 76, 79, 81, 87). Tuy nhiên, bà Phạm Thị Kim S không thừa nhận lời trình bày này của đại diện bị đơn và phía bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh số tiền nợ gốc chỉ có 100.000.000 đồng và việc ký tên nhận nợ là do bị ép buộc.

[7.2] Tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp trang giấy tập tính tiền hụi, tiền mượn và cho rằng chữ viết trên giấy là của bà La Kiều C viết vào ngày 26/11/2022 để chốt số tiền nợ 132.500.000 đồng (trong đó bao gồm tiền gốc là 90.000.000 đồng, tiền hụi là 19.500.000 đồng, số tiền còn lại là tiền lãi 105.500.000 đồng với mức lãi suất là 117,22%), nhưng bà La Kiều C đã bắt ép bà Lê Thị Kim S1 phải ký vào “Hợp đồng vay-mượn tiền” nhận nợ số tiền 215.000.000 đồng. Xét trình bày này của đại diện bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: nguyên đơn không thừa nhận có mối liên hệ giữa nội dung ghi trên giấy và khoản nợ 215.000.000 đồng đang tranh chấp, nội dung giấy này không thể hiện rõ thông tin người cho mượn tiền, năm mượn tiền, số tiền cũng không khớp với khoản tiền đang có tranh chấp, nên không có cơ sở xác định nội dung ghi trên giấy này có liên quan đến “Hợp đồng vay-mượn tiền” ngày 15/12/2022. Hồ sơ vụ án thể hiện, tại bản tự khai ngày 17/10/2023, bà La Kiều C trình bày: *“tôi xác nhận những giấy tờ do phía bà Lê Thị Kim S1 cung cấp thể hiện bà Lê Thị Kim S1 có chơi hụi là do tôi ghi tuy nhiên việc chơi hụi này không liên quan đến số tiền hai trăm mười lăm triệu đồng mà mẹ chồng tôi đang khởi kiện...”* (bút lục số 50). Bị đơn và người đại diện của bị đơn không cung cấp thêm được bất kỳ chứng cứ nào khác, nên không có cơ sở xác định số tiền đang tranh chấp 215.000.000 đồng là bao gồm nợ hụi, nợ vay như bị đơn và người đại diện của bị đơn nại ra.

[7.3] Quá trình giải quyết vụ án từ sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn đã trình bày không nhất quán về số tiền nợ gốc, tiền lãi; đồng thời, tổng số tiền gốc và lãi người đại diện của bị đơn nêu cũng không khớp với số tiền 215.000.000 đồng mà các đương sự đang tranh chấp. Tại thời điểm ký tên vào “Hợp đồng vay-mượn tiền” ngày 15/12/2022, bà Lê Thị Kim S1 có đủ năng lực hành vi dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào số tiền 215.000.000 đồng ghi trên “Hợp đồng vay-mượn tiền”, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là đúng quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ để chứng minh, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn, ông Nguyễn Văn K và Lê Thị Kim S1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim S1.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: buộc bà Lê Thị Kim S1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Lê Thị Kim S1 đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008174 ngày 07/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, bà Lê Thị Kim S1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm. Buộc ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

